



# VĂN 11

## ÔN TẬP THƠ MỚI

### HỌC KÌ 2

## ĐÂY THÔN VĨ DẠ

(Hàn Mặc Tử)

### I. KIẾN THỨC CHUNG

#### 1. Đôi nét tiêu biểu về tác giả

– Hàn Mặc Tử là một hiện tượng thơ kì lạ vào bậc nhất của phong trào Thơ mới. Cuộc đời ông ngắn ngủi, đầy bi thương nhưng lại là một nhà thơ có sức sáng tạo mạnh mẽ, để lại chặng đường thơ sáng ngời và nhiều bài thơ bất hủ cho hậu thế. Nhà thơ Huy Cận từng nhận định: “Theo tôi thơ đời Hàn Mặc Tử sẽ còn lại nhiều. Ông là người rất có tài, đóng góp xứng đáng vào Thơ Mới”.

– Một số tác phẩm tiêu biểu: *Gái quê* (1936), *Thơ điên* (1938), *Duyên kỳ ngộ* (1939), *Chơi giữa mùa trăng*,...

– Phong cách thơ: Hồn thơ Hàn Mặc Tử là một hồn thơ phức tạp và đầy bí ẩn. Thơ ông chịu ảnh hưởng lớn từ thơ ca Pháp: Bút pháp tượng trưng và yếu tố siêu thực.

#### 2. Đôi nét chính về tác phẩm

– Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ bắt nguồn cảm hứng từ bức bưu ảnh mà Hoàng Cúc – người tình trong mộng của Hàn gửi tặng kèm lời thăm hỏi khi Hàn đang lúc bệnh đau.

– Xuất xứ và nhan đề: Bài thơ ban đầu có tên là “Ở đây thôn Vĩ Dạ”, in trong tập “*Thơ điên*” (sau đổi thành “*Đau thương*”) bài thơ này nằm ở phần “*Hương thơm*” của tập thơ.

– Vị trí: “Đây thôn Vĩ Dạ” là bài thơ là một thi phẩm xuất sắc của Thơ mới và đồng thời tiêu biểu cho phong cách sáng tác của Hàn Mặc Tử.

## II. KIẾN THỨC CƠ BẢN

### 1. Bức tranh thôn Vĩ buổi bình minh

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ?*

*Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên*

*Vườn ai mướt qua xanh như ngọc*

*Lá trúc che ngang mặt chữ điền*

– Câu hỏi tu từ mở đầu bài thơ vừa là lời thăm hỏi, lời mời gọi tha thiết vừa là lời trách móc nhẹ nhàng của cô gái thôn Vĩ. Lời thăm hỏi này không phải là lời của cô gái thôn Vĩ mà là lời của Hàn trong lúc nhớ nhung tự tưởng tượng ra.

– Bức tranh thôn Vĩ buổi sớm mai đẹp tinh khôi, trong trẻo và tràn đầy sức sống. Là bức tranh phong cảnh nhưng cũng chính là bức tranh tâm cảnh bắt nguồn từ niềm vui khi Hàn nhận được tấm bưu ảnh – tín hiệu tình cảm của người tình mà Hàn thầm thương, trộm nhớ. Bức tranh thiên nhiên buổi bình minh có 3 đối tượng miêu tả: Nắng, hàng cau và vườn.

+ Nắng: Là cái nắng “mới” tinh khôi, trong trẻo của buổi sớm mai. Điệp từ “nắng” gọi tả không khí ấm áp, dễ chịu của buổi sớm.

+ “Hàng cau”: Là loài cây cao nhất trong vườn, đón ánh nắng tinh khôi đầu tiên của ngày mới.

+ “Vườn” : Tính từ “mướt” giàu giá trị biểu đạt, gọi tả khu vườn không chỉ tràn đầy sức sống mà còn óng ả, mướt mà, long lanh. Phép so sánh “mướt như ngọc” chứa đựng tình yêu, sự trân trọng, nâng niu của nhà thơ dành cho khu vườn thôn Vĩ. Phép so sánh để lại nhiều ấn tượng trong lòng người đọc.

– Điểm xuyết vào bức tranh thiên nhiên ấy là bóng dáng con người xuất hiện với vẻ đẹp phúc hậu, kín đáo, dịu dàng: “*Lá trúc che ngang mặt chữ điền*”. Hình ảnh con người và thiên nhiên hài hòa. Về hình ảnh “mặt chữ điền”, đây là hình ảnh đặc sắc nhưng cũng gây nhiều tranh cãi từ phía người đọc: Theo G.S Bùi Minh Đức: Mặt chữ điền là khuôn mặt của người phụ nữ miền trung được xây dựng bằng bút pháp cách điệu hóa; theo nhà nghiên cứu Nguyễn Bích Thuận thì khuôn mặt chữ điền không sử dụng bút pháp cách điệu hóa mà là khuôn mặt tả thực do chính Hàn tự họa khuôn mặt mình – Hàn trở về thôn Vĩ nhưng vì mặc cảm bệnh tật chỉ dám đứng sau khóm trúc lặng lẽ, say sưa ngắm vẻ đẹp thần tiên của thôn Vĩ.

– Đánh giá chung: Bức tranh thôn Vĩ trong khổ thơ đầu đẹp, tươi sáng, trong trẻo, gọi cảm và đầy sức sống. Bức tranh thiên nhiên tươi vừa là bức tranh phong cảnh vừa là bức tranh tâm cảnh – tâm trạng của Hàn. Đó là niềm vui khi nhận được bức thư thăm hỏi –

tín hiệu tình cảm của người trong mộng. Niềm hi vọng về hạnh phúc lứa đôi lóe lên trong tâm hồn Hàn cũng đẹp và tươi sáng như bức tranh thiên thôn Vĩ vậy. Nhưng ngoài niềm vui, còn ẩn chứa một nỗi buồn thân phận (mặc cảm) băng khuâng, kín đáo.

## 2. Bức tranh sông nước đêm trăng

– Không còn trong trẻo, tươi sáng và tràn đầy sức sống, khổ thơ này, khung cảnh mang nét đượm buồn chứa đựng dự cảm chia lìa. Những mặc cảm, chia lìa được hiện ra với hình ảnh “gió” và “mây”, “dòng nước”, “hoa bắp lay”:

*Gió theo lối gió, mây đường mây*

*Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay*

– Hai câu thơ đầu: “*Gió theo lối gió, mây đường mây/Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay*” chẳng còn những nét tương đồng như khổ thơ đầu mà gợi không gian ly tán, chia lìa. Gợi tả qua hình ảnh:

+ “gió” và “mây” chia cách đôi ngã: “gió” theo đường của “gió”, “mây” theo đường của “mây”. Trong tâm tưởng thi nhân bị ám ảnh bởi sự chia cách lứa đôi mà phản chiếu nỗi ám ảnh ấy vào thiên nhiên.

+ “dòng nước” vốn vô tri vô giác cũng mang nỗi niềm tâm trạng “*buồn thiu*” như một sinh thể sống động.

+ Nỗi buồn ấy còn lây lan sang cả “*hoa bắp*”. Hình ảnh “*hoa bắp lay*” nhẹ nhàng trong gió gợi lên sự hiu hắt, thưa vắng. *Nỗi buồn sông nước đã xâm chiếm vào hồn hoa bắp bên sông. Nhịp điệu câu thơ chậm rãi như “điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế” (Hoàng Phủ Ngọc Tường) của sông Hương. Và đây cũng chính là hồn Huế, nhịp điệu quen thuộc của Huế tự ngàn đời.* (GS. Bùi Minh Đức). Đó là nỗi buồn hiu hắt, mang dự cảm về hạnh phúc chia xa.

– Tình người, tình đời, tình yêu cuộc sống tha thiết, mãnh liệt của nhà thơ qua 2 câu thơ:

*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó*

*Có chở trăng về kịp tôi nay ?*

+ Hai câu thơ trên là một tuyệt, là kết tinh rực rỡ bút pháp tài hoa, lãng mạn của Hàn Mặc Tử.

+ Về hình ảnh “sông trăng”. Với trí tưởng tượng phi thường, Hàn Mặc Tử đã hư ảo hóa thế giới thực, tạo ra một thế giới giới mới, thế huyền ảo, huyền hoặc đưa người đọc theo những chuyến viễn du đến một không gian huyền bí, ảo mộng mà ở đó chỉ có nước và trăng, giao thoa lấp lánh.

+ Đại từ phiếm chỉ “*ai*” trong “*Thuyền ai*” không mang sắc thái nghĩa mơ hồ mà bộc lộ tâm trạng băng khuâng, ngổ ngàng. Đồng thời, chứa đựng khát khao giao cảm của thi nhân.

Trong thơ ca xưa, hình ảnh thuyền trăng cũng đôi lần xuất hiện như “*Gió trăng chứa một thuyền đầy*” (Nguyễn Công Trứ).

+ Về hình ảnh “*trăng*”, trăng xưa nay trong thơ ca được biết đến như là một người bạn tri kỉ, người bạn tâm tình của thi nhân. Đồng thời “*trăng*” còn là hình ảnh ẩn dụ của tình yêu, hạnh phúc lứa đôi.

+ Câu hỏi tu từ: Từ những phân tích trên có thể hiểu câu hỏi “*Có chở trăng về kịp tôi nay ?*” là con thuyền kia có vượt được thời gian, chở niềm hạnh phúc về “*kịp*” những ngày khi ta còn trên cõi dương thế này hay không? Câu thơ là câu hỏi tu từ ẩn chứa bao nỗi niềm khắc khoải, mong chờ hạnh phúc, khao khát giao cảm với đời.

+ Chữ “*kịp*”: Nhất là chữ “*kịp*”, chữ “*kịp*” không chỉ tạo điểm nhấn cho câu thơ mà chữ “*kịp*” còn hé mở cho ta thấy một cuộc đời đầy mặc cảm, một thế sống đầy vội vàng, chạy đua cho kịp với thời gian ít ỏi còn lại. Đó cũng chính là tình người, tình đời, tình yêu cuộc sống tha thiết, mãnh liệt của nhà thơ.

– Đánh giá chung: Bức tranh thiên nhiên sông nước đêm trăng vẫn đẹp nhưng buồn. Đồng thời, bức tranh phong cảnh này cũng là bức tranh tâm cảnh – chứa đựng nỗi buồn về dự cảm hạnh phúc chia xa nhưng vẫn thấy ở đó niềm khao khát giao cảm với đời, khao khát yêu, khao khát hạnh phúc của thi nhân vào những năm tháng cuối đời.

### 3. Bức tranh sương khói mờ ảo cõi mộng.

\* Bức tranh sương khói mờ ảo cõi mộng là tâm trạng tuyệt vọng của thi nhân. Hàn Mặc Tử rơi vào thế giới ảo mộng:

*Mơ khách đường xa, khách đường xa  
Áo em trắng quá nhìn không ra  
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh  
Ai biết tình ai có đậm đà ?*

– Hình ảnh “*khách đường xa*” có thể là người đang sống ở thôn Vĩ, cũng có thể chính Hàn đang tưởng tượng mình là khách về chơi thôn Vĩ. Nhưng dù hiểu thế nào thì điệp ngữ “*khách đường xa*” cũng khơi gợi nên khoảng cách xa xôi, mờ mịt giữa người và người.

– Hình ảnh “*áo em trắng quá*” là hình ảnh đậm nét nhất, rực rỡ nhất, nhưng cũng gây tuyệt vọng nhất. Vẻ đẹp tinh khiết mà Hàn Mặc Tử hằng tôn thờ được thi sĩ dùng một sắc trắng kì lạ để cực tả “áo em trắng quá”, mà đôi khi, thấy cả ngôn ngữ cũng bất lực không theo kịp trực giác của nhà thơ. Hàn Mặc Tử đã dồn cả màu, cả ánh sáng để tả: “*Chị ấy năm nay còn gánh thóc/Dọc bờ sông trắng nắng chang chang*”.

– Cụm từ “*nhìn không ra*” là một cách cực tả sắc trắng, trắng một cách kì lạ, bất ngờ (giống như cách viết “*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*”).

– Không gian thực hóa hư ảo bởi trí tưởng tượng của thi nhân. Nhén lên trong lòng thi nhân một thứ tình cảm rất khó xác định, khó nắm bắt: “Ở đây sương khói mờ nhân ảnh/Ai biết tình ai có đậm đà?”. Cảnh vật và con người chìm sâu vào không gian hư ảo, ma mị như đang ở một thế giới rất khác... cõi chết. Ranh giới giữa sống và chết, giữa thực và hư quá đổi mong manh. Thi nhân cảm nhận rõ nét khoảng cách xa xôi, cái hư ảo ngày càng rõ của tình yêu, hạnh phúc.

\* Bức tranh tâm cảnh:

– Ẩn chứa sâu trong khung cảnh “sương khói” mờ ảo ấy là sự bất lực, nỗi tuyệt vọng của thi nhân.

– Cảnh vật từ khổ một đến khổ ba biến đổi rõ rệt: từ tươi sáng, tràn đầy sức sống đến hiu hắt, đượm buồn với cảnh sông nước rồi hư ảo mờ nhòe ở khổ thơ cuối cùng. Tâm trạng thi nhân cũng thay đổi theo cảnh: từ hi vọng đến dự cảm chia lìa, hoài nghi đến tuyệt vọng.

– Đại từ phiếm chỉ “ai” xuất hiện trong câu hỏi tu từ “Ai biết tình ai có đậm đà?” mang nét nghĩa mơ hồ. Câu hỏi tu từ không thể hiện sự hồ nghi về tình yêu mà còn là sự hồ nghi về tình đời, tình người. Trong hoàn cảnh của bản thân hiện tại, chỉ có tình người, tình đời mới níu nhà thơ lại với trần gian. Thế mà cái tình kia sao quá đổi mong manh.

\* Tâm trạng nhà thơ quyết định cảnh chứ không phải cảnh quyết định tâm trạng. Nhìn chung vào bức tranh tổng quan và sự biến đổi của nó chúng ta sẽ cảm nhận rõ điều này.

#### **4. Thái độ của nhà thơ qua 3 câu hỏi tu từ**

Trong khổ thơ nào cũng xuất hiện câu hỏi tu từ, từ “Sao anh không về chơi thôn Vĩ?”, “Có chớ trăng về kịp tôi nay?” đến “Ai biết tình ai có đậm đà?”. Thế mới thấy, bao trùm cả bài thơ là những nỗi niềm khắc khoải, hồ nghi nhưng lại là niềm khát khao tình yêu,, hạnh phúc của thi nhân.

### **III. TỔNG KẾT CHUNG**

#### **1. Về nội dung:**

Bức tranh hài hòa, nhẹ nhàng, tràn đầy sức sống của thôn Vĩ Dạ, xứ Huế mộng mơ. Nhưng đằng sau bức tranh lại chứa đựng một nỗi buồn và tình yêu thiên nhiên, yêu đời mãnh liệt. Đồng thời ta thấy được một nghị lực sống phi thường của nhà thơ.

#### **2. Về nghệ thuật**

Bài thơ được viết theo thể thơ bảy chữ, ngôn ngữ trong sáng, tinh tế, các biện pháp tu từ (câu hỏi tu từ, nhân hóa, đại từ phiếm chỉ,...) được vận dụng và phát huy được hết hiệu quả của nó. Nhịp điệu và giọng điệu bài thơ thay đổi từ chậm rãi đến gấp gáp, từ vui tươi tha thiết đến hồ nghi, tuyệt vọng.



# Từ ấy

## TỪ ẤY

(Tố Hữu)

### I. KIẾN THỨC CHUNG

#### 1. Đôi nét về tác giả

- Tố Hữu được xem là “lá cờ đầu” trong phong trào thơ ca Cách mạng Việt Nam. Và là nhà thơ nổi bật với phong cách thơ trữ tình – chính trị.
- Thơ ông viết về chính trị nhưng không khô khan, mà ngược lại, dễ đi vào lòng người bởi chất trữ tình truyền cảm. Thơ ông là lời kêu gọi, thơ chiến đấu, thơ hành động, thơ “mang cánh lửa”, “Đốt cháy trái tim con người vào ngọn lửa thần của Đại Nghĩa” (Xuân Diệu).

#### 2. Đôi nét về tác phẩm

##### a. Hoàn cảnh sáng tác – xuất xứ - vị trí

- **Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ “Từ ấy” được Tố Hữu viết vào tháng 7/1938, bài thơ ghi lại những cảm xúc, suy tư sâu sắc khi Tố Hữu được đứng vào hàng ngũ của Đảng.
- **Xuất xứ:** “Từ ấy” nằm trong phần “Máu lửa” của tập thơ “Từ ấy” (1937 – 1946).
- **Vị trí bài thơ:** Tập thơ “Từ ấy” là tập thơ đầu tay với niềm say mê lí tưởng và niềm khao khát được chiến đấu, hi sinh cho cách mạng của người thanh niên cộng sản. Bài thơ có ý

nghĩa mở đầu cho con đường cách mạng, con đường thi ca và đánh dấu mốc quan trọng trong cuộc đời Tố Hữu.

## **b. Ý nghĩa nhan đề**

– “Tù ấy” – cột mốc vô cùng quan trọng trong cuộc đời và sự nghiệp thơ ca của Tố Hữu  
– 7/1938, Tố Hữu được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng Cộng sản Đông Dương đấu tranh cho lý tưởng cách mạng. Từ đây, sự nghiệp thơ ca của thi sĩ gắn liền với sự nghiệp cách mạng.

– “Tù ấy” đối với Tố Hữu là ngày “khai sinh” và là bước ngoặt quan trọng mà khi được hỏi: Còn nếu không có Tù ấy? Ông trả lời: “Không biết tôi sẽ trở thành thế nào, may lắm là một người vô tội” (Câu chuyện về thơ).

## **II. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

### **1. Niềm vui sướng của chàng thanh niên khi bắt gặp lý tưởng sống của cuộc đời mình:**

*“Tù ấy trong tôi bừng nắng hạ  
Mặt trời chân lý chói qua tim.  
Hồn tôi là một vườn hoa lá  
Rất đậm hương và rộn tiếng chim”*

– Mở đầu bài thơ bằng một cột mốc thời gian không cụ thể “Tù ấy”, nhưng đối với chàng trai đôi mươi “Bản khoán đi tìm lẽ yêu đời” thì đó là khoảng thời gian vô cùng ý nghĩa. Nhà thơ đã diễn tả giây phút gặp gỡ lý tưởng cộng sản bằng bằng những hình ảnh tươi sáng, trong trẻo như “nắng hạ”, “mặt trời”. Đối với Tố Hữu khoảnh khắc gặp được lý tưởng của cuộc đời mình, trong tâm hồn ông đầy nắng. Không phải cái nắng mùa thu dịu dàng, không phải nắng mùa xuân ấm áp mà là nắng mùa hạ. Nắng mùa hạ chói chang, nắng mùa hạ rực rỡ nhất trong các mùa. Nắng mùa hạ xua tan mọi góc tối trong tâm hồn vốn nhiều u ám, buồn đau chìm đắm trong cảnh đời nô lệ bấy lâu. Lý tưởng cộng sản đối với Tố Hữu như “mặt trời chân lý”. Chân lý là những điều đúng đắn còn mặt trời vốn cao vợi, vĩ đại, mang lại sự sống, hơi ấm. Cách nói ẩn dụ “mặt trời chân lý” thể hiện lòng thành kính, trân trọng của nhà thơ với lý tưởng của Đảng. Đối với Tố Hữu lý tưởng cộng sản cũng như thế, soi rọi mọi góc tối, mang lại hơi ấm và quan trọng là với ông gặp được lý tưởng ông như sống lại một cuộc đời nữa đầy vui tươi, lạc quan như “vườn hoa lá”.  
– Những hình ảnh so sánh tràn đầy sức sống, tươi vui “vườn hoa lá”, đặc biệt vườn hoa lá ấy “Rất đậm hương và rộn tiếng chim”. Bút pháp lãng mạn với hình ảnh so sánh diễn tả cụ thể niềm vui sướng, say mê của nhà thơ trong giây phút gặp gỡ lý tưởng cộng sản. Ánh sáng chân lý ấy làm cho tâm hồn tràn đầy sức sống.

– Những động từ mạnh như “bừng”, “chói” nhấn mạnh nguồn sáng lý tưởng cách mạng không chỉ xua tan ý thức hệ tiểu tư sản mà còn mở ra trong ông một chân trời nhận thức

mới, thức tỉnh cả tình cảm trong tâm hồn ông. Nói một cách dễ hiểu, ánh sáng lý tưởng cộng sản không chỉ thuyết phục nhà thơ về mặt lý trí mà còn “chói qua tim” thuyết phục mặt tình cảm để khiến từ đây nhà thơ sống, chiến đấu và hi sinh vì lý tưởng này. Những tính từ “rất đậm”, “rộn” càng nhấn mạnh hơn lý tưởng cộng sản đã khiến tâm hồn nhà thơ vui tươi, tràn đầy sức sống như thế nào. Nếu có đọc qua “Nhớ đồng” ta cũng bắt gặp một niềm vui rộn ràng như thế:

*“Rồi một hôm nào, tôi thấy tôi  
Nhẹ nhàng như con chim cà lơi  
Say hương đồng vui ca hát  
Trên chín tầng cao bát ngát trời...”*

(Trích *Nhớ đồng*, Tố Hữu)

– Liên hệ mở rộng: Trong bối cảnh lịch sử khoảng những năm 1938, nước mất, nhân dân ta phải chịu kiếp sống nô lệ. Những người con Việt Nam sống trên quê hương mình, quê hương vốn là của mình nhưng phải cam chịu kiếp sống nhò, kiếp sống của những kẻ nô lệ. Trong bối cảnh đau buồn ấy, không chỉ với Tố Hữu mà còn rất nhiều thanh niên trẻ Việt Nam khi bắt gặp được lý tưởng cộng sản như bắt gặp được một lối đi trong ngõ cụt. Giờ đây, họ tìm được hi vọng để lại được làm chủ chính quê hương mình, không vui sướng sao được!

## **2. Nhận thức mới về lẽ sống**

– Nhận thức mới về lẽ sống hiểu một cách đơn giản là hiểu và chọn cách sống khác đi, mới mẻ hơn. Cụ thể: Từ khi bắt gặp lý tưởng cộng sản, Tố Hữu đã thay đổi hoàn toàn từ cách nghĩ, tinh thần, quan niệm sống cho đến tình cảm, ý thức về trách nhiệm của bản thân. Đó là sống hài hòa giữa “cái tôi” cá nhân nhân và “cái ta” chung của mọi người.

*“Tôi buộc lòng tôi với mọi người  
Để tình trang trải với trăm nơi  
Để hồn tôi với bao hồn khổ  
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời”*

– Chân lý cộng sản đã cho nhà thơ thấy được ý nghĩa của một cuộc đời biết gắn bó với mọi người, nhất là tầng lớp lao khổ. Nên nhà thơ tự nguyện “buộc” mình với mọi người, với nhân dân lao động và cả đồng bào, dân tộc Việt Nam. Và đồng thời cùng đồng cảm, giao hòa với “bao hồn khổ” để được tiếp thêm sức mạnh từ họ. Bởi hơn ai hết, Tố Hữu hiểu rằng “một cây làm chẳng lên non”, tầng lớp lao khổ sống kiếp nô lệ dưới chế độ nửa phong kiến muốn đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do không chỉ cần phải đoàn kết, có trách nhiệm với nhau là đủ mà còn cần phải “gần gũi”, gắn bó, chia sẻ. Có



như thế khối đại đoàn kết mới vững vàng tạo thành sức mạnh lớn lao thì ý nguyện chung của tất cả mọi người mới có thể thành hiện thực.

### 3. Những chuyển biến sâu sắc trong tình cảm của Tố Hữu :

– Trước khi giác ngộ cách mạng, Tố Hữu là một thanh niên tiểu tư sản sống ở thành thị. Lí tưởng cộng sản giúp nhà thơ không chỉ có được lẽ sống mới, mà còn vượt qua tình cảm ích kỉ, hẹp hòi của giai cấp tiểu tư sản để có được tình hữu ái giai cấp, tình thân yêu ruột thịt với quần chúng lao khổ.

*“Tôi đã là con của vạn nhà  
Là em của vạn kiếp phôi pha  
Là anh của vạn đầu em nhỏ  
Không áo cơm cù bất cù bơ...”*

– Tố Hữu ý thức được bản thân mình đã trở thành thành viên của đại gia đình quần chúng lao khổ.

+ Điệp từ “là” và các đại từ nhân xưng đa dạng: “con, em, anh” nhấn mạnh sự tự ý thức được vị trí, vai trò của bản thân trong đại gia đình lao khổ. Không chỉ là trách nhiệm mà qua các cụm từ “kiếp phôi pha”, các em nhỏ “cù bất cù bơ” ta còn thấy tấm lòng chan chứa tình cảm, lòng xót thương của nhà thơ dành cho những kiếp người thuộc tầng lớp lao khổ đang còn phải chịu nhiều thiệt thòi.

+ Bản thân mình là thành viên của đại gia đình thì cần biết yêu thương, biết chia sẻ, biết đấu tranh để không còn những mảnh đời cơ cực, bất hạnh như thế nữa.

+ Liên hệ mở rộng: Bài thơ ra đời vào năm 1938, đồng thời gian một số tác phẩm văn học hiện thực đã phản ánh những kiếp sống mòn, quẩn quanh, bế tắc rất cụ thể như: “Hai đứa trẻ” với chị em Liên, bà cụ Thi điên, mẹ con chị Tí,... đó cũng là những “kiếp phôi pha” hay cả như những kiếp người vì xã hội đương thời mà trở nên tha hóa như Chí Phèo trong truyện ngắn của nhà văn Nam Cao. Tất cả họ đều cần được bảo vệ, cần được che chở, cần được “khai sáng” bởi chân lý của Đảng để cùng nhau hướng đến một tương lai tươi sáng hơn. Chính Tố Hữu – con người với trái tim yêu thương bao la sẽ làm điều đó.

– Qua những cụm từ giàu sức biểu cảm “kiếp phôi pha”, “vạn đầu em nhỏ/Không áo cơm cù bất cù bơ” còn chất chứa lòng căm giận trước bao bất công, ngang trái của xã hội cũ. Cũng chính vì lẽ đó, mà Tố Hữu càng hăng say hoạt động cách mạng, và cũng chính họ là đối tượng sáng tác chủ yếu của ông: cô gái giang hồ trong “Tiếng hát sông Hương”, chú bé đi ở trong “Đi đi em”,...

Chốt: Đây chính là những chuyển biến sâu sắc trong tình cảm của Tố Hữu.

### 3. Đánh giá chung

– Bài thơ “Từ ấy” diễn tả niềm vui sướng, say mê khi giác ngộ lý tưởng cộng sản, khẳng định lẽ sống mới và thể hiện sự chuyển biến sâu sắc trong tình cảm của người thanh niên trẻ tuổi đôi mươi đang khao khát tìm lẽ sống. Từ cảm hứng đến giọng điệu, ngôn từ, hình ảnh,...tất cả đều cho thấy một niềm vui lớn khi Tố Hữu bắt gặp lý tưởng sống của cuộc đời mình. Chất men say trong lý tưởng khiến cho bài thơ có giọng điệu say sưa, náo nức

và đầy sáng khoái. Nhịp thơ dồn dập, say sưa, thôi thúc đầy hăm hở... đều bộc lộ tâm trạng vui sướng, tin tưởng, say mê và khao khát hành động, dâng hiến đến quên mình của nhà thơ.

– “Từ ấy” Bài thơ cũng chính là bản tuyên ngôn cho tập thơ “Từ ấy” nói riêng và toàn bộ các tác phẩm của ông nói chung: đó là quan điểm của giai cấp vô sản với nội dung quan trọng là nhận thức sâu sắc về mối liên hệ giữa cá nhân với quần chúng lao khổ.

– Đồng thời, *Từ ấy* tiêu biểu cho hồn thơ trữ tình – chính trị của Tố Hữu. *Từ ấy* có ý nghĩa mở đầu cho con đường cách mạng, con đường thi ca của Tố Hữu. Bài thơ còn là bản tuyên ngôn về lẽ sống, tuyên ngôn nghệ thuật của nhà thơ.

**\*Tài liệu tham khảo:**

1. SGK Ngữ văn 11, Cơ bản, Tập 2, NXB Giáo dục.
2. SGV Ngữ văn 11, Tập 2, NXB Giáo dục.
3. Kiến thức bổ trợ Ngữ văn 11, Nâng cao, Tập 2, NXB Giáo dục.
4. Thiết kế bài học Ngữ văn, Tập 2, NXB Giáo dục.
5. Nhiều bài viết khác trên internet.



*Chí Bằng*

**KIẾN THỨC CƠ BẢN**

*Tràng giang*

**TRÀNG GIANG**

## (Huy Cận)

### I. KIẾN THỨC CHUNG

#### 1. Đôi nét tiêu biểu về tác giả

- Huy Cận – một trong những nhà thơ xuất sắc của phong trào Thơ mới. Tên tuổi ông gắn liền với tập thơ “Lửa thiêng”. Sau CMT8, ông là một cây bút thành công trong cảm hứng sáng tạo về chế độ mới: *Trời mỗi ngày lại sáng, Đất nở hoa*,...
- Phong cách sáng tác: Thơ ông ảnh hưởng thơ ca lãng mạn Pháp và thơ Đường nhưng vẫn đậm nét truyền thống. Thơ ông hàm súc, giàu chất suy tưởng, triết lý và vừa là một hồn thơ cổ điển.
- Vị trí: Ông là gương mặt tiêu biểu của thơ ca Việt Nam hiện đại và được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996).

#### 2. Nét chính về tác phẩm

- Nếu muốn tìm thấy cái hồn Đông Á, tìm thấy cái buồn ảo não, tìm thấy phong cách thơ của Huy Cận, thả xuôi hồn mình cùng bài thơ *Tràng giang*. *Tràng giang* là một bài thơ được rút ra trong tập thơ *Lửa thiêng* (1940), bao trùm bài thơ này là nỗi buồn mệnh mông da diết về kiếp người, cuộc đời.
- Nỗi buồn ấy xuất phát từ một buổi chiều thu Chủ Nhật, năm 1939, khi ông đắm mình ngắm nhìn dòng sông Hồng trên bến Chèm. Khung cảnh bốn bề sông nước mệnh mông, vắng lặng đã khơi gợi ở hồn ông tứ thơ *Tràng Giang*. Bài thơ này được hoàn thành sau 13 lần sửa bản thảo.

### II. BÀI VIẾT THAM KHẢO

\*Nét đẹp cổ điển và hiện đại trong bài thơ *Tràng giang* (Huy Cận).

**(Bài văn 9,5 điểm trong kì thi tuyển sinh Đại học khối D, năm 2007 của bạn NGUYỄN HỒNG NGỌC LAM)**

Nhà thơ Huy Cận tên thật là Cù Huy Cận, với giọng thơ rất riêng đã khẳng định tên tuổi của mình trong phong trào thơ mới 1930-1945. Ông vốn quê quán Hương Sơn, Hà Tĩnh, sinh năm 1919 và mất năm 2005. Trước Cách mạng tháng Tám, thơ ông mang nỗi sầu về kiếp người và ca ngợi cảnh đẹp của thiên nhiên, tạo vật với các tác phẩm tiêu biểu như: "Lửa thiêng", "Vũ trụ ca", "Kính cầu tự". Nhưng sau Cách mạng tháng Tám, hồn thơ của ông đã trở nên lạc quan, được khơi nguồn từ cuộc sống chiến đấu và xây dựng đất nước của nhân dân lao động: "Trời mỗi ngày lại sáng", "Đất nở hoa", "Bài thơ cuộc đời"... Vẻ đẹp thiên nhiên nổi ưu sầu nhân thế, một nét thơ tiêu biểu của Huy Cận, được thể hiện khá rõ nét qua bài thơ "Tràng Giang". Đây là một bài thơ hay, tiêu biểu và nổi tiếng nhất của Huy Cận trước Cách mạng tháng Tám. Bài thơ được trích từ tập "Lửa thiêng", được sáng tác khi Huy Cận đứng ở bờ Nam bến Chèm sông Hồng, nhìn cảnh mệnh mông sóng nước, lòng vơi vợi buồn, cảm cảnh cho kiếp người nhỏ bé, nổi trôi giữa

dòng đời vô định. Mang nỗi u buồn hoài như thế nên bài thơ vừa có nét đẹp cổ điển lại vừa được nét hiện đại, đem đến sự thích thú, yêu mến cho người đọc.

*Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài*

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp*

....

*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

Ngay từ thi đề, nhà thơ đã khéo gọi lên vẻ đẹp cổ điển lại hiện đại cho bài thơ. "Tràng giang" là một cách nói chệch đầy sáng tạo của Huy Cận. Hai âm "ang" đi liền nhau đã gọi lên trong người đọc cảm giác về con sông, không chỉ dài vô cùng mà còn rộng mênh mông, bát ngát. Hai chữ "tràng giang" mang sắc thái cổ điển trang nhã, gọi liên tưởng về dòng Trường giang trong thơ Đường thi, một dòng sông của muôn thuở vĩnh hằng, dòng sông của tâm tưởng.

Tứ thơ "Tràng giang" mang nét cổ điển như thơ xưa: Nhà thơ thường ẩn đằng sau cái mênh mông sóng nước, không như các nhà thơ mới thường thể hiện cái tôi của mình. Nhưng nếu các thi nhân xưa tìm đến thiên nhiên để mong hoà nhập, giao cảm, Huy Cận lại tìm về thiên nhiên để thể hiện nỗi ưu tư, buồn bã về kiếp người cô đơn, nhỏ bé trước vũ trụ bao la. Đó cũng là vẻ đẹp đầy sức quyến rũ của tác phẩm, ẩn chứa một tinh thần hiện đại.

Câu đề từ giản dị, ngắn gọn với chỉ bảy chữ nhưng đã thu tóm được cảm xúc chủ đạo của cả bài: "Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài". Trước cảnh "trời rộng", "sông dài" sao mà bát ngát, mênh mông của thiên nhiên, lòng con người dấy lên tình cảm "bâng khuâng" và nhớ. Từ láy "bâng khuâng" được sử dụng rất đắc địa, nó nói lên được tâm trạng của chủ thể trữ tình, buồn bã, u sầu, cô đơn, lạc lõng. Và con "sông dài", nghe miên man tít tắp ấy cứ vô sóng đều đặn khắp các khổ thơ, cứ cuộn sóng lên mãi trong lòng nhà thơ làm rung động trái tim người đọc.

Và ngay từ khổ thơ đầu, người đọc đã bắt gặp những con sóng lòng đầy ưu tư, sầu não như thế:

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,*

*Con thuyền xuôi mái nước song song.*

*Thuyền về nước lại sầu trăm ngả*

*Củi một cành khô lạc mấy dòng.*

Vẻ đẹp cổ điển của bài thơ được thể hiện khá rõ ngay từ bốn câu đầu tiên này. Hai từ láy nguyên "điệp điệp", "song song" ở cuối hai câu thơ mang đậm sắc thái cổ kính của Đường thi. Và không chỉ mang nét đẹp ấy, nó còn đầy sức gợi hình, gợi liên tưởng về những con sóng cứ loang ra, lan xa, gối lên nhau, dòng nước thì cứ cuốn đi xa tận nơi nào, miên man miên man. Trên dòng sông gợi sóng "điệp điệp", nước "song song" ấy là một "con thuyền xuôi mái", lững lờ trôi đi. Trong cảnh có sự chuyển động là thế, nhưng sao chỉ thấy vẻ lặng tờ, mênh mông của thiên nhiên, một dòng "tràng giang" dài và rộng bao la không biết đến nhường nào.

Dòng sông thì bát ngát vô cùng, vô tận, nỗi buồn của con người cũng đầy ăm ắp trong lòng

*Thuyền về nước lại sầu trăm ngả  
Củi một cành khô lạc mấy dòng.*

Thuyền và nước vốn đi liền nhau, thuyền trôi đi nhờ nước xô, nước vỗ vào thuyền. Thế mà Huy Cận lại thấy thuyền và nước đang chia lìa, xa cách "thuyền về nước lại", nghe sao đầy xót xa. Chính lẽ vì thế mà gọi nên trong lòng người nỗi "sầu trăm ngả". Từ chỉ số nhiều "trăm" hô ứng cùng từ chỉ số "mấy" đã thổi vào câu thơ nỗi buồn vô hạn.

Tâm hồn của chủ thể trữ tình được bộc lộ đầy đủ nhất qua câu thơ đặc sắc: "Củi một cành khô lạc mấy dòng". Huy Cận đã khéo dùng phép đảo ngữ kết hợp với các từ ngữ chọn lọc, thể hiện nỗi cô đơn, lạc lõng trước vũ trụ bao la. "Một" gọi lên sự ít ỏi, nhỏ bé, "cành khô" gọi sự khô héo, cạn kiệt nhựa sống, "lạc" mang nỗi sầu vô định, trôi nổi, bập bênh trên "mấy dòng" nước thiên nhiên rộng lớn mênh mông. Cành củi khô đó trôi dạt đi nơi nào, hình ảnh giản dị, không tô vẽ mà sao đầy rợn ngợp, khiến lòng người đọc cảm thấy trống vắng, đơn côi.

Nét đẹp cổ điển "tả cảnh ngụ tình" thật khéo léo, tài hoa của tác giả, đã gợi mở về một nỗi buồn, u sầu như con sóng sẽ còn vỗ mãi ở các khổ thơ còn lại để người đọc có thể cảm thông, thấu hiểu về một nét tâm trạng thường gặp ở các nhà thơ mới. Nhưng bên cạnh đó ta cũng nhìn ra một vẻ đẹp hiện đại rất thi vị của khổ thơ. Đó là ở cách nói "Củi một cành khô" thật đặc biệt, không chỉ thu tóm cảm xúc của toàn khổ, mà còn hé mở tâm trạng của nhân vật trữ tình, một nỗi niềm đơn côi, lạc lõng.

Nỗi lòng ấy được gợi mở nhiều hơn qua hình ảnh quạnh vắng của không gian lạnh lẽo:

*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu  
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.*

Hai từ láy "lơ thơ" và "đìu hiu" được tác giả khéo sắp xếp trên cùng một dòng thơ đã vẽ nên một quang cảnh vắng lặng. "Lơ thơ" gọi sự ít ỏi, bé nhỏ "đìu hiu" lại gọi sự quạnh quẽ. Giữa khung cảnh "cồn nhỏ", gió thì "đìu hiu", một khung cảnh lạnh lẽo, tiêu điều ấy, con người trở nên đơn côi, rợn ngợp đến độ thốt lên "Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều". Chỉ một câu thơ mà mang nhiều sắc thái, vừa gọi "đâu đó", âm thanh xa xôi, không rõ rệt, có thể là câu hỏi "đâu" như một nỗi niềm khao khát, mong mỏi của nhà thơ về một chút sự hoạt động, âm thanh sự sống của con người. Đó cũng có thể là "đâu có", một sự phủ định hoàn toàn, chung quanh đây chẳng hề có chút gì sống động để xua bớt cái tịch liêu của thiên nhiên.

Đôi mắt nhân vật trữ tình nhìn theo nắng, theo dòng trôi của sông:

*"Nắng xuống, trời lên sâu chót vót,  
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu."*

"Nắng xuống, trời lên" gọi sự chuyển động, mở rộng về không gian, và gọi cả sự chia lìa: bởi nắng và trời mà lại tách bạch khỏi nhau. "sâu chót vót" là cảnh diễn đạt mới mẻ, đầy sáng tạo của Huy Cận, mang một nét đẹp hiện đại. Đôi mắt nhà thơ không chỉ dừng ở

bên ngoài của trời, của nắng, mà như xuyên thấu và cả vũ trụ, cả không gian bao la, vô tận. Cõi thiên nhiên ấy quả là mệnh mông với "sông dài, trời rộng", còn những gì thuộc về con người thì lại bé nhỏ, cô đơn biết bao: "bến cô liêu".

Vẻ đẹp cổ điển của khổ thơ hiện ra qua các thi liệu quen thuộc trong Đường thi như: sông, trời, nắng, cuộc sông có người thì buồn tẻ, chán chường với "văn chợ chiều", mọi thứ đã tan rã, chia lìa.

Nhà thơ lại nhìn về dòng sông, nhìn cảnh xung quanh mong mỏi có chút gì quen thuộc mang lại hơi ấm cho tâm hồn đang chìm vào giá lạnh, về cô đơn. Nhưng thiên nhiên đã đáp trả sự khao khát ấy bằng những hình ảnh càng quạnh quẽ, điều hiu:

*Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng,  
Mệnh mông không một chuyến đò ngang.  
Không cần gọi chút niềm thân mật,  
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.*

Hình ảnh cánh bèo trôi bồng bềnh trên sông là hình ảnh thường dùng trong thơ cổ điển, nó gợi lên một cái gì bấp bênh, nổi trôi của kiếp người vô định giữa dòng đời. Nhưng trong thơ Huy Cận không chỉ có một hay hai cánh bèo, mà là "hàng nối hàng". Bèo trôi hàng hàng càng khiến lòng người rợn ngợp trước thiên nhiên, để từ đó cõi lòng càng đau đớn, cô đơn. Bên cạnh hàng nối hàng cánh bèo là "bờ xanh tiếp bãi vàng" như mở ra một không gian bao la vô cùng, vô tận, thiên nhiên nối tiếp thiên nhiên, dường như không có con người, không có chút sinh hoạt của con người, không có sự giao hoà, nối kết:

*Mệnh mông không một chuyến đò ngang  
Không cầu gọi chút niềm thân mật.*

Tác giả đưa ra cấu trúc phủ định. "...không...không" để phủ định hoàn toàn những kết nối của con người. Trước mắt nhà thơ giờ đây không có chút gì gọi niềm thân mật để kéo mình ra khỏi nỗi cô đơn đang bao trùm, vây kín, chỉ có một thiên nhiên mệnh mông, mệnh mông. Cầu hay chuyến đò ngang, phương tiện giao kết của con người, dường như đã bị cõi thiên nhiên nhấn chìm, trôi đi nơi nào.

Huy Cận lại khéo vẽ nét đẹp cổ điển và hiện đại cho bầu trời trên cao:

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,  
Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa.*

Bút pháp chấm phá với "mây cao đùn núi bạc" thành "lớp lớp" đã khiến người đọc tưởng tượng ra những núi mây trắng được ánh nắng chiếu vào như dát bạc. Hình ảnh mang nét đẹp cổ điển thật trữ tình và lại càng thi vị hơn khi nó được khơi nguồn cảm hứng từ một tứ thơ Đường cổ của Đỗ Phủ:

*Mặt đất mây đùn cửa ải xa.*

Huy Cận đã vận dụng rất tài tình động từ "đùn", khiến mây như chuyển động, có nội lực từ bên trong, từng lớp từng lớp mây cứ đùn ra mãi. Đây cũng là một nét thơ đầy chất hiện đại, bởi nó đã vận dụng sáng tạo từ thơ cổ điển quen thuộc.

Và nét hiện đại càng bộc lộ rõ hơn qua dấu hai chấm thần tình trong câu thơ sau. Dấu hai chấm này gợi mối quan hệ giữa chim và bóng chiều: Chim nghiêng cánh nhỏ kéo bóng chiều, cùng sa xuống mặt tràng giang, hay chính bóng chiều sa, đè nặng lên cánh chim nhỏ làm nghiêng lệch cả đi. Câu thơ tả không gian nhưng gợi được thời gian bởi nó sử dụng "cánh chim" và "bóng chiều", vốn là những hình tượng thẩm mỹ để tả hoàng hôn trong thơ ca cổ điển.

Nhưng giữa khung cảnh cổ điển đó, người đọc lại bắt gặp nét tâm trạng hiện đại:

*Lòng quê dợn dợn vời con nước,*

*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

"Dợn dợn" là một từ láy nguyên sáng tạo của Huy Cận, chưa từng thấy trước đó. Từ láy này hô ứng cùng cụm từ "vời con nước" cho thấy một nỗi niềm băng khuâng, cô đơn của "lòng quê". Nỗi niềm đó là nỗi niềm nhớ quê hương khi đang đứng giữa quê hương, nhưng quê hương đã không còn. Đây là nét tâm trạng chung của nhà thơ mới lúc bấy giờ, một nỗi lòng đau xót trước cảnh mất nước.

Bên cạnh tâm trạng hiện đại ấy là từ thơ cổ điển được gợi từ câu thơ: "Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai" của Thôi Hiệu. Xưa Thôi Hiệu cần vịn vào sóng để mà buồn, mà nhớ, còn Huy Cận thì buồn mà không cần ngoại cảnh, bởi từ nỗi buồn nó đã sâu sắc lắm rồi. Thế mới biết tấm lòng yêu quê hương thấm thiết đến nhường nào của nhà thơ hôm nay. Cả bài thơ vừa mang nét đẹp cổ điển, vừa mang nét hiện đại. Vẻ đẹp cổ điển được thể hiện qua lối thơ bảy chữ mang đậm phong vị Đường thi, qua cách dùng từ láy nguyên, qua việc sử dụng các thi liệu cổ điển quen thuộc như: mây, sông, cánh chim... Và trên hết là cách vận dụng các tứ thơ cổ điển, gợi cho bài thơ không khí cổ kính, trầm mặc của thơ Đường.

Vẻ đẹp hiện đại lan toả qua các câu chữ sáng tạo, độc đáo của nhà thơ như "sâu chót vót", dấu hai chấm thần tình. Nhưng vẻ đẹp ấy đọng lại cuối cùng là tâm trạng nhớ quê hương ngay khi đứng giữa quê hương, nét tâm trạng hiện đại của các nhà tri thức muốn đóng góp sức mình cho đất nước mà đành bất lực, không làm gì được.

Bài thơ sẽ còn mãi đi vào lòng người với phong cách tiêu biểu rất "Huy Cận", với vẻ đẹp cổ điển trang nhã sâu lắng và vẻ đẹp hiện đại mang nặng một tấm lòng yêu nước, yêu quê hương.

*(Theo báo VNExpress)*





# Chiều tối

## I. KIẾN THỨC CHUNG

- “Chiều tối” (Mộ) là bài thơ thứ 31 của tập “Nhật ký trong tù”. Cảm hứng sáng tác của bài thơ được gợi lên trên đường chuyển lao từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo vào cuối thu 1942.
- “Chiều tối” là bài thơ mang màu sắc cổ điển – thể hiện ở thể thơ tứ tuyệt, hình ảnh ước lệ, tượng trưng, nghệ thuật điểm xuyết quen thuộc trong thơ ca trung đại và tinh thần hiện đại – lấy sự vận động của con làm hình tượng thơ, lấy con người làm đối tượng trung tâm cho bức tranh thiên nhiên.

## II. KIẾN THỨC CƠ BẢN

### 1. Bức tranh thiên nhiên chiều tà (2 câu đầu)

“Quyện điều quy lâm tâm túc thụ  
Cô vân mạn mạn độ thiên không”  
(Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,  
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không)

- Về khung cảnh thiên nhiên: Khung cảnh thiên nhiên lúc chiều tối. Trong bức tranh thiên nhiên ấy có: cánh chim mệt mỏi bay về tổ và chòm mây lơ lửng giữa tầng không.
- Về hình ảnh thơ: Hình ảnh cánh chim và chòm mây là những hình ảnh quen thuộc trong thơ ca xưa – mang nét đẹp cổ điển.
- Về hình ảnh “cánh chim”: cánh chim mệt mỏi bay về tổ. Hình ảnh cánh chim điểm xuyết lên bức tranh chiều tàn tạo nét chấm phá cho bức tranh. Hình ảnh “cánh chim” gợi tả



không gian rộng lớn, thính vắng trong thời khắc ngày tàn đồng thời cũng là dấu hiệu thời gian. Đồng thời trạng thái “mỏi mệt” của cánh chim gọi điểm tương đồng giữa cánh chim và người tù nhân – chiều đã về, ngày đã tàn nhưng vẫn mệt mỗi lê bước trên đường trường => cảnh và người hòa quyện, đồng điệu, giao cảm.

– Về hình ảnh “*Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không*” (“*Cô vân mạn mạn độ thiên không*”).  
+ “*Cô vân*”: Bản dịch thơ gọi tả được sự vận động của đám mây “trôi nhẹ”. Cách dịch làm người đọc cảm nhận được sự thư thái, nhẹ nhàng nhưng chưa gọi tả được nỗi cô đơn, lẻ loi của áng mây chiều. Cũng vì thế thi pháp chấm phá trong bản dịch chưa thể hiện nổi bật, chưa làm nổi bật được không gian rộng lớn, chưa làm nổi bật được nỗi cô độc nơi đất khách quê người của nhà thơ.

+ Hình ảnh chòm mây cô độc trôi chậm chậm trong không gian bao la của bầu trời chiều “*độ thiên không*”. Hình ảnh này gợi nhớ câu thơ “*Ngàn năm mây trắng bây giờ còn bay*” của nhà thơ Thôi Hiệu. “*Chòm mây*” cũng từ đó mà có hồn, mang lại nhiều suy tư về cuộc đời cách mạng gian truân của Hồ Chủ tịch – cứ đi mãi mà vẫn chưa thấy tương lai tươi sáng rọi về.

+ Tâm hồn nhà thơ qua câu thơ: Dẫu bị tù đày, xiềng xích, khổ nhục nhưng tâm hồn lại thư thái cùng thơ ca và thiên nhiên. Đồng thời qua đó ta cảm nhận được nghị lực phi thường – chất thép của một người chí sĩ cách mạng, một con người yêu và khao khát tự do mãnh liệt như áng mây, như cánh chim trời.

– Đánh giá chung: Thiên nhiên trong thơ Bác mang nét đẹp cổ điển với những hình ảnh thơ gần gũi, bình dị. Đồng thời bức tranh thiên nhiên và con người có sự giao hòa với nhau. Ẩn sau bức tranh thiên nhiên là những nỗi niềm tâm trạng của nhà thơ – tả cảnh ngụ tình.

## **2. Bức tranh đời sống con người (2 câu còn lại)**

*“Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc*

*Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng”*

*(Cô em xóm núi xay ngô tối*

*Xay hết, lò than đã rực hồng)*

– Hình ảnh cô gái xay ngô tối trẻ trung, khỏe khoắn, siêng năng lao động tạo nét chấm phá (điểm xuyết) cho bức tranh, trở thành trung tâm của cảnh vật. Dù là xuất hiện giữa không gian núi rừng trong đêm mênh mông nhưng hình ảnh cô gái sơn cước không hề đơn độc. Hình ảnh thơ gợi sự ấm áp cho người đọc.

– Qua hình ảnh thơ, ta còn thấy ở Bác là tấm lòng, tình yêu, sự trân trọng dành cho những người lao động – dù nghèo khó, vất vả nhưng vẫn lao động miệt mài trong tự do.

– So sánh với nguyên tác, trong nguyên tác không đề cập đến từ “tối” nhưng chính sức gợi tả trong thơ Người làm người đọc (kể cả người dịch) cảm nhận được sự trôi chảy của thời gian – từ chiều đến khuya.

– Từ ngữ đặc sắc: Từ đặc sắc, đắt giá nhất tạo thần thái cho câu thơ là chữ “hồng”. Vì từ “hồng” vừa giúp người đọc hình dung ra được thời gian, vừa làm câu bài thơ “Chiều tối” trở nên sáng rực xua tan đi bao mệt mỏi, nặng nề của bài thơ cũng như trong tâm hồn nhà thơ. Cũng vì thế mà chữ “hồng” trở thành nhãn tự của bài thơ.

### III. TỔNG KẾT CHUNG

– Về nghệ thuật (Xem phần tác phẩm)

– Về nội dung: Bài thơ bốn dòng, hai mươi bảy chữ, đã thể hiện tinh thần lạc quan, ung dung, tự tại, kiên cường vượt qua mọi hoàn cảnh sống và vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách của Hồ Chí Minh-người chiến sĩ, nghệ sĩ với tình yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu cuộc sống. Qua bài thơ, người ta càng cảm nhận được tấm lòng nhân ái, yêu nước thương nòi và hi sinh đến quên mình của Bác.



*Chí Bằng*

**KIẾN THỨC CƠ BẢN**

*Vội vàng*

**VỘI VÀNG**

(Xuân Diệu)

*Bài viết của HS Nguyễn Thế Anh – 12C – Trường THPT Hoa Lư A – Ninh Bình*

Nếu như trong thơ Huy Cận đầy những hình ảnh không gian thì trong thơ Xuân Diệu lại là cái vội vàng, giục giã trong nhịp điệu của thời gian, như một đại lượng lãng trụ vừa “thổi tình yêu lên phơi phới”, lại vừa “từng giọt từng giọt” làm mất đi những gì là đẹp nhất mà tạo hoá ban tặng cho con người, “hết ngày hết tháng em ơi ! – kinh hãi không gian quặn tiếng còi”.

Bởi thế thời gian là nổi ám ảnh trong thơ Xuân Diệu. Cảm thức thời gian đã làm Xuân Diệu – một ông hoàng của thơ tình, triết lí về một quan niệm sống, không phải là sống gấp mà đây giá trị nhân văn, một “thơ tặng bạn bây giờ”, một tình mai sau, một giục giã và ở đây là “Vội vàng”. “Vội vàng” đã gắn liền với triết lý thời gian ấy. Chỉ có điều những câu thơ triết lý này lại được thể hiện bằng một tình yêu cháy bỏng với cuộc đời, bằng sự cảm nhận vô cùng tinh tế, tinh vi của Xuân Diệu.

“Vội vàng” đã được mở đầu bằng những câu thơ hết sức cô đọng, hàm súc như một tuyên ngôn cho khát vọng sống của nhà thơ:

“Tôi muốn tắt nắng đi  
Cho màu đừng nhạt mất  
Tôi muốn buộc gió lại  
Cho hương đừng bay đi”

Đó là điều khát khao cuồng nhiệt của hồn thơ luôn khao khát sống, sống mãnh liệt từ một tình yêu đến bông bột đối với thiên nhiên tạo vật cũng như đối với con người. Câu thơ tưởng như hết sức mộc mạc giản dị nhưng sức lay động tâm hồn thật lớn bởi nó khơi dậy tình yêu của tuổi trẻ nói riêng và khát vọng của con người nói chung. Không chỉ điệp từ “tôi muốn” như tiếng nói của mỗi cá nhân vang lên giữa cuộc đời khi mơ ước muôn thừa của con người bật ra thành tiếng, mà còn là sự sử dụng những động từ chỉ hành động mạnh mẽ dứt khoát như “tắt, buộc”. Cái cuồng nhiệt trong tình yêu của con người là ở sự tương phản giữa hành động cụ thể lại hướng tới cái trừu tượng, đó là hành động “tắt nắng, buộc gió”. Khát vọng của con người như muốn “tắt nắng buộc gió” đâu phải bắt nguồn từ sự tham sống mà là ham sống, “ham yêu” để vĩnh viễn hoá tuổi trẻ tình yêu, để mãi mãi tận hưởng hương sắc của thiên nhiên tạo vật của cuộc đời. Và nói như Xuân Diệu là để “màu đừng nhạt mất”, “hương đừng bay đi”. Đó là màu, là hương của thế giới xung quanh mà cũng là của chính mình. Chưa ở đâu trong thơ Xuân Diệu khát vọng đối với tuổi trẻ, tình yêu lại trở thành một tuyên ngôn mãnh liệt đến thế. Con người muốn chế ngự cả thiên nhiên. Những chữ “mất đi” tuy thế vẫn gọi một sự tiếc nuối trong tâm trạng của nhà thơ, những tiếc nuối thổi bùng lên thành trạng thái cảm xúc sôi nổi bông bột và nhiệt cuồng.

“Vội vàng” đã dành một phần hết sức quan trọng, những câu thơ hết sức mới mẻ, tinh tế của Xuân Diệu để dựng lên bức tranh của một cõi vườn trần đầy sức sống của mùa xuân, một thế giới với những tiếng than thầm tiễn biệt để cắt nghĩa bằng niềm xúc động của tâm hồn Xuân Diệu.

Ở một cõi vườn trần trong thơ Xuân Diệu như giục giã sự sống của muôn loài. Bằng một sự gắn bó thiết tha với cuộc sống, bằng một khát vọng được hoà nhập với đời trong những tình cảm nồng nàn, sôi nổi nhất, Xuân Diệu đã dựng lên trước mắt người đọc cả một thế giới đầy sức xuân với những giao hoà, giao cảm, cho nên thế giới ấy tràn đầy hương sắc, tràn đầy âm thanh và ánh sáng, rạo rực những bướm ong say đắm khúc tình si của yến oanh, sự sống dâng đầy lên trong đầu cành ngọn lá. Cả một cõi vườn trần trong sức sống mãnh liệt như đang “bày” ra trước mắt người đọc bởi những chữ “của”, “này đây”, nhà thơ như chào, như mời chân thực nồng nàn và tha thiết. Trong cõi vườn trần ấy cuộc sống là “tuần tháng mật”, là mùa xuân vĩnh viễn của ong bướm, của lá non lộc biếc.

Sức sống từ hồn thơ Xuân Diệu như trào ra từ từng chữ, từng chữ. Nhà thơ đã lấy sự sống của con người, khát vọng của con người làm chuẩn mực cho sự sống của vũ trụ. Cho nên, mùa xuân là “tuần tháng mật” của ong bướm, tiếng hát của yến oanh, là một khúc tình si, ngay cả tia sáng mặt trời buổi sáng cũng trở thành hàng mi người thiếu nữ và mỗi ngày đến với sự đánh thức của thần Vui đối với cuộc sống con người. Ai cũng biết dường như chỉ đến Xuân Diệu, cái đẹp con người mới trở thành chuẩn mực của tạo hoá. Giá trị nhân văn của t/p cũng có thể ở sự đề cao vẻ đẹp ấy của con người. Xuân Diệu đã đem đến cho người đọc một cái nhìn xanh non đối với thế giới xung quanh, đem đến cho con người tình yêu, sự gắn bó đối với cuộc đời. Chính Xuân Diệu cũng từng viết:

“Ta ôm bó cánh tay ta làm rắn  
Làm dây da quấn quýt cả mình xuân  
Không muốn đi ở mãi mãi vườn trần  
Chân hoá rễ để hút mùa dưới đất”.

Hình ảnh một cõi vườn trần như thế chính là sự cắt nghĩa cho quan niệm sống giục giã vội vàng của thi nhân. Lẽ nào trước một cuộc sống xanh tươi mơn mớn đầy màu sắc hương thơm và ánh sáng với những khúc tình si, với “niềm vui” như thế mà con người lại có thể để cho nắng cho gió làm phai nhạt, làm bay đi tất cả sao. Con người cần phải biết tận hưởng vì đó là vẻ đẹp, là sức sống mà tạo hoá đã ban cho.

Về phương diện nghệ thuật, có thể thấy Xuân Diệu không chỉ đem đến cho câu thơ của mình những so sánh độc đáo qua các hình ảnh “tuần tháng mật”, “khúc tình si”, “ánh sáng chớp hàng mi” mà còn là những cảm giác hết sức mới lạ, chưa từng thấy trong thơ, như “tháng giêng ngon như một cặp môi gần”. Thời gian như được vật thể hoá vẻ đẹp và sức sống của mùa xuân có thể cảm nhận bằng vị giác để biết tháng giêng ngon như thế nào.

Tuy nhiên, cảm xúc về thời gian đã khiến niềm vui của Xuân Diệu đâu được trọn vẹn. Cho nên, giữa niềm say mê trước một “cặp môi gần” nhà thơ bỗng giật mình thoáng thốt.:

“Tôi sung sướng nhưng vội vàng một nửa”.

Nó nhắc nhở thi nhân cái “phũ phàng” của thời gian. Nhà thơ vội lên tiếng “tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân”. Trong cái giật mình thoáng thốt kia Xuân Diệu bỗng nhớ mùa xuân ngay giữa mùa xuân.

Câu thơ “tôi sung sướng nhưng vội vàng một nửa” đã như một sự chuyển dòng đột ngột của cảm xúc. Từ niềm vui, niềm sung sướng, niềm hạnh phúc tràn trề trong tâm hồn nhà thơ bỗng trở nên suy tư khi lắng nghe nhịp bước của thời gian. Nỗi buồn chia li mỗi lúc trở nên một sâu sắc trong cõi lòng thi nhân. Cả một đoạn thơ tiếp theo, từ câu thơ “Xuân đang tới nghĩa là xuân đương qua” cho đến câu thơ “mau đi thôi mùa chưa ngả chiều hôm” là đoạn thơ hay chính là nhịp điệu của thời gian. Lời thơ hay chính là tiếng thở dài của một linh hồn cô đơn trước những tiếng than thầm tiế biệt của thiên nhiên tạo vật, của con người đang lan ra “khắp sông núi”. Những câu thơ tràn đầy xúc cảm của một tình yêu mãnh liệt bỗng trở thành những câu thơ đậm một màu sắc triết lý “xuân đang tới nghĩa là xuân đương qua”, “xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già”. Cái bông bọt của một tâm hồn đương thời sôi nổi, của một trái tim vừa độ vang ngân bỗng trở thành những lời lý giải như của một triết gia. Những chữ “nghĩa là” như xoáy vào suy tưởng của nhà thơ một niềm tiếc nhớ. Những cặp từ “tới – qua”, “non – già” tiếp nối nhau có tác dụng tương phản ấy đã tạo nên ấn tượng về sự chuyển biến của thiên nhiên tạo vật trên dòng thời gian. Đó là sự tương phản bật ra trên dòng thời gian. Đó là sự tương phản bật ra từ những nhận thức sâu sắc về một hiện thực không thể phủ định. Vì thế sau những thức nhận ấy là một tiếng thơ mang nặng nỗi buồn “mà xuân hết nghĩa là tôi cũng mất”, nhà thơ không chỉ buồn, không chỉ nhớ tiếc mà còn oán trách cái nghiệt ngã của tạo hoá:

“Lòng tôi rộng nhưng lượng trời cứ chật  
Không cho dài thời trẻ của nhân gian”

Từ oán trách đến day nghiêng cả tạo hoá lẫn cuộc đời:

“Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn  
Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại”.

Những câu thơ triết luận như thế vẫn ẩn chứa trong đó biết bao cảm xúc của nhà thơ. Xuân Diệu triết lý một cách hết sức biện chứng nhưng cũng triết lý một cách hết sức tình cảm. Đằng sau triết lý về thời gian là cả một nỗi buồn muôn thừa của con người, cái buồn từ sự hữu hạn của con người trên dòng vô hạn vô thủy vô chung, nhà thơ đang sống vì tiếc thời gian làm cho phai tàn tất cả. Khi “cái bay không đợi cái trôi” thì “còn trời đất nhưng chẳng còn tôi mãi” cho nên Xuân Diệu buồn, Xuân Diệu cần phải sống vội vàng và gửi đến người đọc cái thông điệp về một quan niệm sống như vậy.

Từ cái nhìn đối với cuộc sống của con người, Xuân Diệu muốn chứng minh đâu chỉ có con người mới buồn trước những li biệt bởi thời gian. Xuân Diệu với những câu thơ tinh tế của mình đã làm hiện ra cả một thế giới đang ngập trong nỗi buồn chia li ấy. Người ta có thể nắm được vị chia phôi trên dòng thời gian ấy, người ta có thể lắng nghe được trước cái im lặng của thiên nhiên tạo vật, nỗi sợ hãi của muôn loài trước cảnh vật biệt li của thời gian. Con gió, tiếng chim hót đều như muốn ngừng lại, bật đi khi nhận ra thời gian đang trôi. Xuân Diệu đã mô tả trạng thái ấy của thiên nhiên tạo vật và những cảm xúc mới, những lời thơ rất lạ. Trước một câu thơ có thể diễn tả những trạng thái, những cảm xúc của những giác quan khác nhau trước cùng một đối tượng. Thời gian vốn

là cái vô hình mà Xuân Diệu có thể nhận biết được mùi thời gian, có thể thấy được vị chia phôi lại có thể thấy được cả nỗi đau vật chất như một vết cứa trên da thịt, trên một chữ “róm”. Ngọn gió cũng được vật thể hoá thành con gió xinh. Tiếng gió được nhân hoá thành những lời tâm tình qua hai chữ “thì thào”, thậm chí cả tiếng chim hót cũng đã được tâm trạng hoá để mang nỗi niềm của con người. Đâu phải ngẫu nhiên người ta coi Xuân Diệu là “mới nhất trong những nhà thơ mới”. Xuân Diệu tạo ra cả một thế giới ngôn ngữ rất có hồn. Mỗi chữ đều như gieo vào lòng người cái hơi thở rạo rực ngay cả trong trạng thái buồn thương từ trái tim nhà thơ hay nói một cách khác mỗi chữ đều mang nhịp đập của trái tim.

Trước những nhận thức về sự li biệt của tất cả thế giới trên dòng thời gian, buồn đấy thương đấy nhưng Xuân Diệu không đầu hàng thời gian. Những câu thơ đầy giục giã đã làm cho hơi thở như bùng lên. Đã hơn một lần Xuân Diệu từng viết những chữ “mau với chữ vội vàng lên chứ” để bây giờ ở đây ta lại thấy cái giục giã ấy “mau đi thôi mùa chưa ngả chiều hôm”. Đó là sự giục giã của sự sống, của tình yêu một sự giục giã để con người có thể tận hưởng tuổi trẻ của mình.

Hai đoạn thơ là thế giới tương phản lẫn nhau: một thế giới tràn đầy niềm vui niềm giao cảm của một cõi vườn trần và một thế giới đầy những chia li với những tiếng thở dài, những lời oán trách. Nhưng đó lại là chính lời cắt nghĩa lý giải về quan niệm sống của nhà thơ.

“Vội vàng” của Xuân Diệu sau những câu thơ đầy màu sắc để lý giải cho quan niệm sống đầy tinh thần nhân văn của mình là những dòng thơ hết sức sôi nổi thể hiện một trạng thái cảm xúc mãnh liệt, những câu thơ đúng với XUÂN DIỆU từng nói “đây là mùa xuân của tôi mà cũng là sự sống của tôi nữa... Tôi tặng cho những người trẻ tuổi nhất là trẻ lòng”. Đó là những câu thơ thể hiện những khát vọng đến cháy bỏng của một niềm ham sống. Nếu như mở đầu bài thơ t/g khiêm tốn thể hiện cái mong muốn của mình trong một chữ “tôi” thì ở đây cái “tôi” ấy đã được khẳng định cái ta khi nhà thơ viết “ta muốn”. Hai chữ “ta muốn” như một điệp khúc vang lên mạnh mẽ cái khát vọng sống của con người. Cái khát vọng sống ấy là khát vọng tận hưởng tất cả những gì đẹp nhất thiên nhiên ban cho. Đó là “sự sống mới bắt đầu mon mọn”, là đất trời rộng lớn với “mây đưa và gió lượn”, là vẻ đẹp của thiên nhiên tạo vật như cánh bướm, như tình yêu và cả non nước, cả cây và cỏ dại, là men say và là cả mùa xuân... Ngỡ như Xuân Diệu ham sống là để thỏa mãn cái “tôi” cá nhân của mình mà thực ra là một tình yêu lớn đối với cuộc đời, với cả vũ trụ bao la cả đất trời tươi đẹp, cả non nước và ánh sáng... Sự nồng nhiệt đến vô cùng của niềm khát khao ấy lại được thể hiện bằng những từ như “chéch choáng”, “đã đây” và đặc biệt là hệ thống động từ biểu cảm nối tiếp nhau: ôm, riết, say, thâu, hôn để rồi cuối cùng là một động từ biểu hiện niềm khát khao mãnh liệt nhất trong tận hưởng cái đẹp của cuộc đời đó là động từ “cắn” trong câu thơ:

“Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi”

Đó là niềm khát vọng hoà hợp giao cảm đến tận cùng của Xuân Diệu đối với cuộc đời. Sử dụng động từ này ta thấy mạch cảm xúc của Xuân Diệu là nhất quán. Bởi Xuân Diệu đã từng nói với mùa xuân, nói với tháng giêng ngon như một cặp môi gần thì cái lẽ tất yếu ở đây là một cảm xúc như vậy.



**Chúc các em học tốt và thi đạt kết quả cao!**